

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM MỘT SỐ VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

PGS. TS Nguyễn An Hà
Viện Nghiên cứu Châu Âu

TS. Trần Nhuận Kiên
*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
Đại học Thái Nguyên*

Trong những năm đầu thế kỉ 21, Việt Nam có tốc độ phát triển kinh tế ấn tượng! Tăng trưởng GDP trung bình hàng năm trong giai đoạn 2000-2010 là 7,26%, GDP theo giá thực tế năm 2011 đã gấp hơn 3,8 lần so với năm 2000; Từ năm 2010, Việt Nam đã trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp theo xếp hạng của Ngân hàng Thế giới; Tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể, năm 2011 số hộ nghèo giảm xuống còn khoảng hơn 8%, Việt Nam trở thành một trong những quốc gia chống đói nghèo thành công trên thế giới; Cơ cấu kinh tế đã từng bước chuyển đổi tích cực theo hướng hiện đại; Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đã được cải thiện đáng kể cả về số lượng và chất lượng; Một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao đã hình thành và phát triển. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2008 lại đây, dưới tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam bộc lộ nhiều khiếm khuyết.

1. Một số vấn đề trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay

Tăng trưởng GDP tuy vẫn ở mức tương đối cao nhưng đang có xu hướng giảm dần; Lạm phát luôn ở mức cao hơn nhiều so với mức lạm phát bình quân của các nền kinh tế khu vực và kinh tế thế giới; Các cân đối vĩ mô (thâm hụt cán cân vãng lai, thâm hụt tài khóa, chênh lệch tiết kiệm và đầu tư xã hội, dự trữ quốc gia...) chưa vững chắc liên tục trong nhiều năm; Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, thách thức trong tiếp cận vốn vay với lãi suất hợp lý và tiêu thụ sản phẩm, số doanh nghiệp phải giải thể, tạm ngừng sản xuất hoặc thu hẹp quy mô sản xuất tăng lên đáng kể; Nợ xấu của các tổ chức tín dụng gia tăng, một số tổ chức tín dụng đã gặp khó khăn về thanh khoản.

Nguy cơ của một nền kinh tế vừa đình trệ, vừa lạm phát đang ngày càng hiện rõ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, nguyên nhân dài hạn và ngắn hạn, nhưng chủ yếu là do các vấn đề mang tính nội tại, tích tụ nhiều năm của cơ cấu kinh tế

và mô hình tăng trưởng. Mô hình tăng trưởng hiện hành với các trụ cột chính là: (i) Khai thác tài nguyên; (ii) Lao động rẻ, chất lượng thấp; (iii) Đầu tư vốn lớn và dễ dàng; (iv) Khu vực doanh nghiệp nhà nước có thể lực mạnh nhưng với hiệu quả thấp. Hệ quả là một cơ cấu công nghiệp lệch lạc – thiếu nền tảng công nghiệp hỗ trợ, thiếu lực lượng doanh nghiệp có khả năng liên kết và gia nhập vào chuỗi sản xuất thế giới và khu vực, do đó, không thể cạnh tranh và phát triển một cách bình thường. Dưới đây là một số khiếm khuyết trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay.

- **Tăng trưởng theo chiều rộng:** Động lực tốc độ tăng trưởng cao phụ thuộc vào gia tăng vốn đầu tư và gia tăng số lượng lao động. Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội quá lớn (trong nhiều năm là 40% - 42% GDP). Năm 2008,

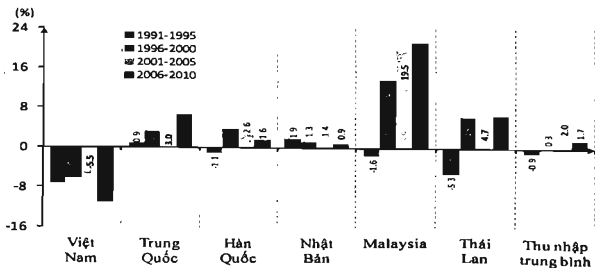
tổng đầu tư trên GDP của Việt Nam cao thứ hai thế giới (trong số 145 nước được xếp hạng)¹. Đóng góp của đầu tư cho tăng trưởng GDP tăng rất nhanh (từ 5% vào năm 1990 lên trên 60% năm 2010), trong khi đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp (TFP) cho tăng trưởng giảm rất nhanh (từ gần 50% vào năm 1990 xuống 40% năm 2000 và khoảng 16% năm 2010).

- **Mở rộng tín dụng một cách mạo hiểm:** Nếu như năm 1995, tổng đầu tư tích lũy mới chỉ khoảng 100% GDP thì năm 2010, tỷ lệ này lên tới gần 400% GDP. Để đáp ứng lượng đầu tư khổng lồ này, tổng dư nợ tín dụng tăng từ 25% GDP năm 1995 lên 50% năm 2003 và 135% năm 2010.

¹ CIA World FactBook, *List of countries by gross fixed investment as percentage of GDP, 2009.*

Hình 1: Chênh lệch tiết kiệm nội địa và đầu tư của Việt Nam, 1991-2010

(% GDP)

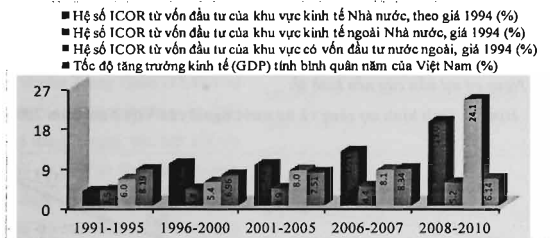


Nguồn: WB, IMF và OCED theo tính toán của Nguyễn Cao Đức (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam).

- **Hoạt động đầu tư kém hiệu quả:** Xét tương quan với tốc độ tăng trưởng kinh tế (hệ số ICOR), hiệu quả đầu tư của Việt Nam ở mức rất thấp, trong đó đầu tư công kém hiệu quả nghiêm trọng. Tình trạng đầu tư công kém hiệu quả gia tăng theo từng giai đoạn phát triển bởi sự chạy đua theo chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP trong mô hình tăng trưởng quá dựa nhiều vào vốn đầu tư. Giai đoạn 2008-2010, hệ số ICOR của khu vực kinh tế nhà nước cao gấp gần 4 lần ICOR

của khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, trong giai đoạn 2006 - 2009, doanh nghiệp nhà nước chiếm 45% tổng đầu tư của khu vực doanh nghiệp, nhưng: chỉ đóng góp 28% cho GDP và 19% cho tăng trưởng GDP; đóng góp 24% việc làm và -22% cho việc làm mới; đóng góp 20% giá trị sản xuất công nghiệp và 8% tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp.

Hình 2: Hiệu quả đầu tư của khu vực kinh tế Nhà nước, 1991-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của Nguyễn Cao Đức (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam).

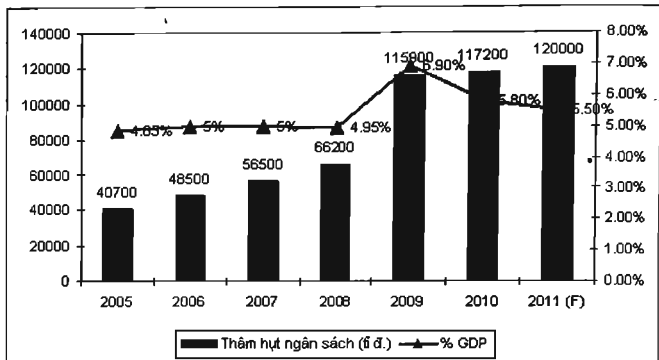
- **Thâm hụt ngân sách thường xuyên cao:** Chính phủ Việt Nam chi khoảng 1/3 ngân sách cho đầu tư phát triển. Xét về tỉ lệ vốn đầu tư công so với GDP thì Chính phủ Việt Nam là nhà đầu tư lớn nhất so với chính phủ các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á². Cùng với hiệu quả đầu

tư công thấp, thâm hụt ngân sách ngày càng cao, thâm hụt ngân sách của Việt Nam năm 2010 (7% GDP) cao hơn mức thâm hụt của các nền kinh tế khác trong khu vực như Trung Quốc (2,2%), Indonesia (1,5%), Singapore (0,7%) và Thái Lan (2,2%)³.

² Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Quang Thái (2011), Đầu tư công: thực trạng và tái cơ cấu.

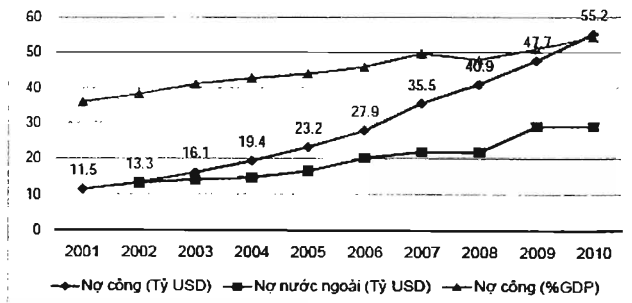
³ Nguyễn Hồng Nga & Nhật Trung, 2011, Tổng quan kinh tế Việt Nam năm 2010 và triển vọng năm 2011.

Hình 3. Thâm hụt ngân sách Nhà nước giai đoạn 2005 – 2011



Nguy cơ nợ nần của nền kinh tế:

Hình 4: Tình hình nợ công và nợ nước ngoài của Việt Nam năm 2001-2011



+ Nợ công gia tăng

Theo thống kê của The Economist Intelligence Unit, trong vòng 10 năm từ 2001 đến 2010, GDP của Việt Nam đã tăng gấp 3 lần, từ 32,7 tỉ USD lên 102 tỉ USD. Tuy nhiên, cũng trong giai đoạn này, nợ công tại Việt Nam đã tăng lên gấp 5 lần từ 11,5 tỉ USD (36% GDP) năm 2001 lên 55,2 tỉ USD (54,3% GDP) năm 2010⁴.

Tỉ lệ nợ này nếu so với tỉ lệ nợ công trên GDP của Liên hợp quốc là dưới 60% GDP thì vẫn được coi là nằm trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, so với các nền kinh tế đang phát triển khác với tỉ lệ nợ trung bình 30-40% và các nền kinh tế như Trung Quốc (17,4%) và Indonesia (25,6%), tỉ lệ nợ công tại Việt Nam có thể là đáng lo ngại, đặc biệt khi tốc độ tăng trưởng nợ tại Việt Nam là 15%/năm và Việt Nam đang phải đối mặt với thâm hụt ngân sách kéo dài với mức thâm hụt ngày một tăng⁵.

+ Nợ xấu gia tăng

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính đến thời điểm 30/9/2012, tỉ lệ nợ xấu là 8,82% tổng dư nợ tín dụng của nền kinh tế (2,7 triệu tỉ đồng), tương đương với 221 nghìn tỉ đồng, trong đó 73% số nợ này có tài sản đảm bảo và hơn 66% được đảm bảo bằng

bất động sản. Tuy nhiên, quy mô nợ xấu chắc chắn phải lớn hơn đáng kể so với con số 8,82% này, vì trong phiên chất vấn của Quốc hội tháng 11/2012, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho biết, đến cuối tháng 9 tổng số nợ được cơ cấu lại trong hệ thống ngân hàng là 252.000 tỉ đồng, tương đương 9,3%. Các ước tính của một số tổ chức khác cũng khác đôi chút, song đều ở mức 2 chữ số (Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia: 11,8%, Fitch Ratings: 13%, một số tổ chức quốc tế khác: khoảng 15-16% v.v...). Theo một số chuyên gia quốc tế tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (tháng 12/2012), nếu lấy con số 8,82% làm chuẩn thì quy mô nợ xấu khoảng 12 tỉ USD và nếu áp dụng tỉ lệ tồn thất ở các thị trường khác (40%) thì lượng vốn mà các ngân hàng có thể bị thiệt hại khoảng 7 tỉ USD, tương đương 5% GDP. Nếu sử dụng cách ước tính thận trọng về quy mô nợ xấu ở mức 18,12% nêu trên, tồn thất có thể lên đến 14,4 tỉ USD, tương đương với 10,3% GDP. Điều đáng quan tâm khác là nợ xấu đang tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2008-2012 (tương ứng từ 75% năm 2008 giảm mạnh xuống mức 27% năm 2009 và rồi tăng vọt lên 64% năm 2011 và 66% trong 9 tháng đầu năm 2012). Sờ dĩ tăng trưởng nợ xấu giảm mạnh năm 2009 chủ yếu do mẫu số "quy mô tín dụng tăng vọt" do thực hiện kích cầu nên tạm thời che khuất nguy cơ lúc đó về nợ xấu. Tuy nhiên, về sau nợ xấu sẽ bộc lộ

⁴ Mai Thu Hiền & Nguyễn Thị Như Nguyệt (2011), *Tình hình nợ công và quản lý nợ công ở Việt Nam*.

⁵ Vũ Thành Tự Anh, 2010, *Tình bền vững của nợ công ở Việt Nam*.

mạnh hơn khi tăng trưởng tín dụng giảm tốc gần với hậu quả của chất lượng tín dụng thấp khi triển khai kích cầu.

Về cơ cấu nợ xấu, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỉ trọng cao nhất (22,5%), tiếp đến là lĩnh vực bất động sản và hoạt động dịch vụ (19,25%), kế tiếp là lĩnh vực buôn bán-sửa chữa ô tô và xe máy (18,52%), lĩnh vực vận tải và kho bãi (11%), lĩnh vực xây dựng (9,5%) và các lĩnh vực còn lại (19,23%).

Hiện nay, vòng xoáy “*kinh tế suy giảm – nợ xấu gia tăng – tín dụng tắc nghẽn – việc làm suy giảm – chi tiêu suy giảm – kinh tế suy giảm*” đang trở nên ngày một hiện hữu. Hàng tồn kho – một trong những chỉ số quan trọng nhất của sự suy giảm tổng cầu và qua đó, của triển vọng tăng trưởng trong ngắn hạn, chưa có dấu hiệu tăng chậm lại. Theo báo cáo mới nhất của Bộ Công thương, trong cuộc họp báo mới nhất vào ngày 3/12/2012, tính đến ngày 1/11/2012, chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,4% so với tháng trước và tăng 20,9% so với cùng kỳ⁶.

2. Một số định hướng chính sách

Định hướng tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng ở Việt Nam trong giai đoạn 2012-2020 sẽ tập trung chủ yếu vào những lĩnh vực đột phá ưu tiên sau

đây: (i) *Tái cơ cấu đầu tư với trọng tâm là tái cơ cấu đầu tư công*; (ii) *Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn và tổng công ty Nhà nước*; (iii) *Tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng với trọng tâm là các ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán và các định chế tài chính*. Cần phải có tư duy tổng thể về tái cơ cấu, không thể tái cơ cấu riêng lẻ từng ngành, từng khu vực, tái cơ cấu cần đặt trong hệ thống để tránh hệ lụy lớn, cần bắt đầu từ chiều sâu của mô hình tăng trưởng với trực chính là hệ thống ngân hàng thương mại, các thị trường tài sản, khu vực doanh nghiệp và đầu tư công. Nhiệm vụ ưu tiên đầu tiên cần phải sớm thực hiện đó là đẩy mạnh tái cơ cấu hệ thống các tổ chức tín dụng với trọng tâm là các ngân hàng thương mại cùng với tái cơ cấu thị trường chứng khoán và các định chế tài chính.

1. Nhóm giải pháp về ổn định kinh tế vĩ mô

Kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục là nhiệm vụ ưu tiên cả trước mắt và trong suốt kế hoạch 5 năm 2011-2015, bởi đây chính là tiền đề cho quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Một số giải pháp chủ yếu gồm:

- Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, kiểm soát mức tăng tổng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán với quy mô và hình thức thích hợp, bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng dưới 20%, tổng phương tiện

⁶ Báo cáo “*Nợ xấu thực trạng và giải pháp*” của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

thanh toán khoảng 15-16%. Thực hiện điều hành cung ứng tiền tệ và tín dụng một cách chủ động và linh hoạt, có chính sách hợp lý ưu tiên phân bổ tín dụng cho sản xuất nông nghiệp và các ngành liên quan phục vụ sản xuất nông nghiệp, cho sản xuất hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác.

- Thực hiện các công cụ của chính sách tiền tệ, nhất là công cụ lãi suất một cách chủ động và linh hoạt theo diễn biến cụ thể của thị trường nhằm góp phần tích cực vào kiểm chế lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền.

- Giảm dần mức độ đôla hoá của nền kinh tế và sự phụ thuộc vào đồng đôla Mỹ trong thanh toán quốc tế, thực hiện chính sách tỉ giá ổn định linh hoạt và chủ động theo hướng ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, giảm nhập siêu và bảo đảm an toàn cán cân thanh toán quốc tế.

- Thực hiện thắt chặt tài khoá để kiểm soát tổng cầu, giảm áp lực gia tăng lạm phát, đồng thời thực hiện nghiêm kỷ luật tài khoá, tăng cường quản lý chi và nâng cao hiệu quả sử dụng các khoản chi ngân sách. Tăng thu ngân sách nhà nước 7-8% so với dự toán ngân sách năm, giảm bội chi ngân sách nhà nước xuống dưới 5% GDP.

- Phối hợp chặt chẽ và hiệu quả chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, chính sách tài khoá phải bổ sung và hỗ trợ nhiều

hơn cho chính sách tiền tệ trong chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Nhóm giải pháp tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công

Tái cơ cấu nguồn vốn cho đầu tư công theo hướng huy động vốn đầu tư của xã hội, giảm dần đầu tư từ ngân sách nhà nước và xây dựng cơ chế quản lý vốn đầu tư công hiệu quả.

Sửa đổi cơ chế phân cấp quản lý kinh tế, đặc biệt là phân cấp quản lý và giám sát đầu tư công là một yêu cầu cấp bách nhằm giải quyết triệt để những tồn tại, bất cập trong đầu tư công. Đi đôi với đẩy mạnh phân cấp, phải nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý và giám sát của chính quyền địa phương và cộng đồng, cũng như nâng cao năng lực giám sát của chính quyền trung ương.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu cụ thể cho việc lựa chọn, giám sát và đánh giá các dự án sử dụng vốn đầu tư công để nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác lựa chọn, giám sát, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Nhóm giải pháp tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp, trọng tâm là doanh nghiệp nhà nước

Giảm số lượng và thu hẹp phạm vi hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, không cho phép các doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài ngành Chính phủ cho phép

nhằm tập trung đầu tư vào lĩnh vực chính, nâng cao khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Cần xây dựng các tiêu chí hình thành, nguyên tắc hoạt động và chỉ tiêu giám sát và đánh giá doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh tái cơ cấu kinh tế.

Song song với quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cần phải tạo môi trường và cơ chế thuận lợi cho quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân.

4. Nhóm giải pháp tái cơ cấu hệ thống tài chính – tiền tệ, trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại

Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại cần đi liền với tái cơ cấu Ngân hàng Nhà nước.

Cần làm rõ nguồn lực tài chính cho quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và đánh giá đúng chi phí – lợi ích của nguồn lực này.

Nâng cao hiệu quả các kênh vốn ngân hàng và đẩy mạnh phát triển các kênh vốn phi ngân hàng cho hoạt động của nền kinh tế, giảm dần sự phụ thuộc gần như toàn bộ của nền kinh tế vào hệ thống ngân hàng.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Quang Thái (2011), *Đầu tư công: thực trạng và tái cơ cấu*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội 2011.

2. McKinsey (2012), *Giữ nhịp tăng trưởng bền vững tại Việt Nam: thách thức về năng suất*.

3. Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

4. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Đề án “*Tái cơ cấu kinh tế với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả, năng suất và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế*”, tháng 3 năm 2012.

5. Các báo cáo tham luận tại Hội thảo Diễn đàn Kinh tế Mùa xuân 2012 do Viện Khoa học xã hội Việt Nam và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội tổ chức tại Đà Nẵng tháng 4/2012.

6. Các báo cáo tháng về vấn đề kinh tế nổi bật của thế giới và Việt Nam trong năm 2012.